

Số: 624 /QĐ-TĐHTHCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách năm 2025
của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành Phố Hồ Chí Minh
(Lần 3)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 169/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành quy chế quản lý tài chính trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4328/QĐ-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 714/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giao, điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1550/QĐ-BNNMT ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 (lần 2);

Căn cứ Quyết định số 3276/QĐ-BNNMT ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐTTPHCM ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành Phố Hồ Chí Minh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐTTPHCM ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành Phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành Phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2025 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (theo biểu phụ lục số 2 đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng các đơn vị, Phòng Kế hoạch - Tài chính, các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Lưu VT, KHTC.

KT.HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Lê Hoàng Nghiêm

Đơn vị: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP.HCM

Chương: 012

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 24/QĐ-TĐHTPHCM ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành Phố Hồ Chí Minh)

Dvt: triệu đồng.

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao theo QĐ 4328/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2024	Dự toán điều chỉnh theo QĐ 714/QĐ8-BTNMT 28/02/2025	Dự toán điều chỉnh theo QĐ 1550/QĐ-BNNMT 21/5/2025	Dự toán điều chỉnh theo QĐ 3276/QĐ-BNNMT 19/8/2025	Dự toán giao sau điều chỉnh
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
I	Số thu phí, lệ phí					
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	23.191	- 200	200		23.191
I	Nguồn ngân sách trong nước	23.191	- 200	200		23.191
1	Chi quản lý hành chính	-				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	4.277	- 200	200		4.277
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	4.277	- 200	200	31	4.277
	Trong đó: Tiết kiệm theo Nghị quyết số 173/NQ-CP				31	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ:	3.577	- 200	200		3.577
	Mở mới	400	- 200	200	-	400
	TNMT.ĐL.2025.05.03: Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật thủy văn đồng vị để xác định nguồn gốc một số chất gây ô nhiễm nước mặt	200			-	200
	Kinh phí giáo khoán	182			- 36	146
	Kinh phí không giao khoán	18			36	54
	TNMT.ĐL.2025.04.20: Nghiên cứu đề xuất mô hình và giải pháp thúc đẩy thực thi chính sách kinh tế tuần hoàn trong hoạt động chế biến thủy sản	200	- 200	200		200
	Kinh phí giáo khoán	96	- 96	96		96
	Kinh phí không giao khoán	104	- 104	104		104
	Chuyển tiếp	3.177				3.177
	TNMT.2024.05.01: Nghiên cứu công nghệ mới chuyển hóa rác thải nhựa kết hợp với phụ phẩm nông nghiệp để sản xuất than hoạt tính	1.595	-			1.595
	Kinh phí giáo khoán	1.055				1.055
	Kinh phí không giao khoán	540				540
	TNMT.2024.05.02: Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn giảm phát thải nhựa đại dương trong nuôi trồng thủy sản trên biển từ hiệu quả sử dụng vật liệu HDPE bền vững	1.582				1.582
	Kinh phí giáo khoán	870				870
	Kinh phí không giao khoán	712				712
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	700				700
	Mở mới	700	-			700
	Mô phỏng và đánh giá mức độ xâm nhập mặn tại các điểm nguồn cấp nước trên hệ thống sông Sài Gòn dưới tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng	350				350
	Kinh phí giáo khoán	314				314



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao theo QĐ 4328/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2024	Dự toán điều chỉnh theo QĐ 714/QĐ-BTNMT 28/02/2025	Dự toán điều chỉnh theo QĐ 1550/QĐ-BNNMT 21/5/2025	Dự toán điều chỉnh theo QĐ 3276/QĐ-BNNMT 19/8/2025	Dự toán giao sau điều chỉnh
	Kinh phí không giao khoán	36				36
	Nghiên cứu ứng dụng mô hình thủy động lực hai chiều mã nguồn mở mô phỏng chế độ bùn cát đoạn sông Hậu tỉnh An Giang	350				350
	Kinh phí giáo khoán	304				304
	Kinh phí không giao khoán	46				46
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	18.392	-			18.392
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	14.592	-			14.592
	Chi thường xuyên giao tự chủ	14.592				14.592
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.800	-			3.800
	Miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập	590				590
	Quỹ khen thưởng theo ND 73	3.210				3.210
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
5	Chi bảo đảm xã hội					
6	Chi hoạt động kinh tế					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	522	-			522
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	522				522
	Nhiệm vụ chuyên môn hàng năm	522	-			522
	Nhiệm vụ chuyên tiếp	522				522
	Xây dựng một số mô hình quy mô phòng thí nghiệm về kiểm soát ô nhiễm môi trường, quản lý chất thải và phổ biến, nhân rộng phục vụ công tác bảo vệ môi trường.	522				522
II	Nguồn vốn viện trợ					
III	Nguồn vay nợ nước ngoài					

ml